

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày 18-5-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Trinh và bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quá và ông Nguyễn Trung Hiếu – kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 208/TB-TA ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn T1 – sinh ngày 20/11/1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Con ngoài giá thú và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; vợ: Huỳnh Thị Tú T2 – sinh năm 2000; con: Chưa có; tiền án: Ngày 27/02/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Đ tuyên phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng về tội Cố ý gây thương tích, đang trong thời gian chấp hành án nhưng tiếp tục phạm tội; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Đ, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Trần Thị Thanh T3 – sinh năm 1985

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Hồng L – sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Bà Đoàn Thị Thu H – sinh năm 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1964

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Ông Đinh Hoàng T4 – sinh ngày 03/02/2003

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị T5 – sinh năm 1969

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị N1 – sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Xuân N2 – sinh năm 1969

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Bà Huỳnh Thị Tú T2 – sinh năm 2000

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- Ông Võ Kim S – sinh năm 1962. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

- Ông Đinh Hồng D – sinh năm 1960. Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2020, bị cáo Nguyễn T1 đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 14/10/2019, Nguyễn Tịnh một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda màu xanh, không có biển kiểm soát đi ngang qua nhà bà Trần Thị Thanh T3. Lúc này, quan sát thấy nhà bà T3 không có người ở

nhà nên Nguyễn T1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T1 cạy cửa đột nhập vào nhà bà T3 trộm cắp một máy tính xách tay (laptop) hiệu Dell Inspiron 14, màu đen để trên bàn trong phòng ngủ của bà T3 rồi đi về nhà và cất giấu tài sản trên. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ tạm giữ tại nhà của Nguyễn T1: 01 (một) laptop hiệu Dell Inspiron 14, màu đen (đã qua sử dụng). Ngày 27/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận giá trị còn lại của laptop trên tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.800.000 đồng.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 18/10/2019, Nguyễn T1 một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda màu xanh, không có biển kiểm soát đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị Hồng L. Quan sát thấy nhà bà L không có ai ở nhà nên T1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T1 cạy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp một máy tính xách tay (laptop) hiệu Dell Inspiron 15, màu đen để trên bàn, sau khi trộm cắp xong T1 mang tài sản về nhà cất giấu. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ tạm giữ tại nhà của Nguyễn T1: 01 laptop hiệu Dell Inspiron 15, màu đen. Ngày 27/01/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận giá trị còn lại của laptop trên tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.480.000 đồng

Vụ thứ 3: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31/7/2020, Nguyễn T1 một mình điều khiển xe mô tô hiệu Honda màu xanh, không có biển kiểm soát đi ngang qua nhà bà Đoàn Thị Thu H. Quan sát thấy nhà bà H không có ai ở nhà nên T1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Nguyễn T1 cạy cửa đột nhập vào nhà bà H và trộm cắp tài sản gồm: số tiền 3.000.000 đồng và 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ tiền có mệnh giá 100USD ở trong túi nylông màu trắng để trong ví da màu xám; số tiền 3.673.000 đồng (trong đó nhiều tờ tiền mệnh giá tiền 5.000đồng, 2.000đồng, 1.000đồng được cột thành từng cọc) để trong túi nylông màu đỏ; 01 (một) chiếc nhẫn 05 phân vàng 9999 và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng tây 18K tổng cộng 01 chỉ để trong hộp nhựa màu đỏ; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu trắng và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng để trong hộp nhựa màu đen. Khi trộm cắp được các tài sản trên, trên đường đi về, Nguyễn T1 lấy 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu trắng và 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng để trong hộp nhựa màu đen ra xem, nghĩ là vàng giả nên T1 vứt ở vị trí nào không nhớ.

Sau đó T1 đem số tài sản còn lại về cất giấu tại nhà ở của mình. Đối với số tiền 3.000.000 đồng trộm cắp được T1 đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 05/8/2020, T1 đến tiệm vàng X ở TDP Đ, phường P, thị xã Đ (do bà Trần Thị T5, sinh năm

1969 ở TDP Đ, phường P, thị xã Đ làm chủ) bán 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ tiền có mệnh giá 100USD được số tiền 4.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 15/8/2020, T1 tiếp tục đến tiệm vàng X bán 01 (một) chiếc nhẫn 05 phân vàng 9999 và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng tây 18K tổng cộng 01 chỉ được số tiền 5.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Còn lại số tiền 3.673.000 đồng chưa tiêu xài thì bị phát hiện.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ tạm giữ của Nguyễn T1: số tiền 3.673.000 đồng trong túi nylông màu đỏ. Đối với 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ (trong đó mỗi tờ có mệnh giá 100 USD); 01 (một) chiếc nhẫn 05 phân vàng 9999; 02 (hai) chiếc nhẫn vàng tây 18K; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu trắng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng và số tiền 3.000.000đ mà Nguyễn T1 đã bán và tiêu xài hết, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ không thu hồi được. Tạm giữ của bà Đoàn Thị Thu H 01 cái rựa là công cụ mà Nguyễn T1 sử dụng để cạy cửa nhà bà H.

Ngày 18/02/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận giá trị tài sản còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt của: 01 (một) chiếc nhẫn 05 phân vàng 9999 là 2.600.000 đồng; 02 (hai) chiếc nhẫn vàng tây 18K là 2.700.000 đồng; giá trị của 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ (trong đó mỗi tờ có mệnh giá 100 USD) là 4.612.000 đồng; đối với 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng và 01 đôi bông tai bằng kim loại màu trắng bị hại khai là vật lưu niệm, không có giá trị lưu hành, không cung cấp được nguồn gốc, xuất xứ, khối lượng nên không đủ cơ sở định giá. Xác định, tổng giá trị tài sản Nguyễn T1 chiếm đoạt của bà H là 16.585.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 10 giờ ngày 04/9/2020, Nguyễn T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị Đ, quan sát thấy không có ai ở nhà nên T1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Nguyễn T1 cạy cửa và đột nhập vào nhà bà Đ trộm cắp tài sản gồm: số tiền 1.500.000 đồng trong ví da để trong phòng ngủ của con gái bà Đ; số tiền 12.000.000 đồng để trong giỏ xách nữ màu đen; số tiền 4.500.000 đồng để trong cuốn sổ màu đen; 01 (một) tờ tiền đô la Mỹ có mệnh giá 100USD và 01 tờ tiền Cambodia để trong bì li xì có chữ “Ba Hích”; 03 (ba) tờ tiền đô la Mỹ có mệnh giá lần lượt là 100USD, 05USD và 01USD để trong bì li xì có chữ “Mẹ Đông”; 05 (năm) tờ tiền đô la Mỹ, mỗi tờ có mệnh giá 100USD để trong bì li xì có in hình hoa mai; số tiền 4.500.000 đồng để trong bì li xì có chữ “ACB

NGÂN HÀNG Á CHÂU”; số tiền 1.500.000 đồng trong ví da nữ để trên bàn trang điểm trong phòng ngủ của bà Đông; 01 (một) sợi dây chuyền vàng có gắn một mặt dây chuyền đều bằng vàng, 02 (hai) chiếc cong vàng 18K, 03 (ba) chiếc nhẫn vàng, 01 (một) đôi bông tai vàng 18K để trong hộp nhựa màu đỏ (loại hộp chứa vàng).

Khi trộm cắp được các tài sản trên, Nguyễn T1 đem về cất giấu tại nhà ở của mình, sau đó đã tiêu xài cá nhân hết tổng số tiền 23.190.000 đồng. T1 đến tiệm vàng X bán 700USD được số tiền 15.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. T1 đến tiệm vàng TL ở TDP Đ, phường P, thị xã Đ (do bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1974 ở TDP Đ, phường P, thị xã Đ làm chủ) bán 02 (hai) chiếc cong vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai vàng 18K được khoảng 4.100.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với 02 (hai) chiếc nhẫn vàng trộm cắp được Tịnh không nhớ đã tiêu xài hay để ở đâu do thời gian đã lâu.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ tạm giữ tại nhà của Nguyễn T1 gồm: 01 (một) chiếc nhẫn vàng có đính viên đá màu đen, 01 (một) sợi dây chuyền vàng có gắn một mặt dây chuyền bằng vàng có đính các viên đá màu trắng, 01 (một) phong bì lì xì có in hình hoa mai, 01 (một) phong bì lì xì có chữ “Ba Hích”, 01 (một) phong bì lì xì có chữ “Mẹ Đ”, 01 (một) phong bì lì xì có chữ “ACB NGÂN HÀNG Á CHÂU”, 01 (một) tờ tiền 05USD, 01 (một) tờ tiền 01USD, 02 (hai) tờ tiền Cambodia, số tiền 810.000 đồng. Đối với số tiền 23.190.000 đồng, số tiền 700USD, 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 18K, 02 (hai) chiếc cong vàng 18K, 01 (một) đôi bông tai vàng 18K, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ không thu hồi được.

Ngày 18/02/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận giá trị còn lại của số tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt gồm: 01 (một) sợi dây chuyền vàng là 4.516.400 đồng, mặt dây chuyền bằng vàng là 2.662.800 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn vàng có đính viên đá màu đen là 872.000 đồng; 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 18K là 5.800.000 đồng; 02 (hai) chiếc cong vàng 18K là 11.600.000 đồng; 01 (một) đôi bông tai vàng 18K gồm 02 chiếc là 5.800.000 đồng; giá trị của 706USD, (gồm 07 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100USD, 01 tờ tiền mệnh giá 05USD, 01 tờ tiền mệnh giá 01USD) là 16.298.010 đồng, đối với 02 tờ tiền Cambodia là tiền trung bày, lưu niệm, không có giá trị lưu hành. Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn T1 chiếm đoạt được tại nhà bà Đông là 71.549.210 đồng.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 15/12/2020, Nguyễn T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến nhà ông Đinh Hồng D. Lúc này nhà ông D không có người ở nhà trông coi quản lý tài sản, Nguyễn T1 để xe mô tô ngoài đường rồi cạy cửa đột nhập vào nhà ông D trộm cắp số tiền 500.000 đồng trong ví da để trên bàn học của Đinh Hoàng T4 (SN: 2003, con của ông D) và cất giấu vào trong ví của mình rồi tiếp tục lục tìm tài sản thì nghe tiếng xe mô tô của ông D về nên T1 mở cửa bỏ chạy nhưng bị bắt giữ. Cơ quan CSĐT Công an thị xã tạm giữ: 01 (một) cái ví da màu nâu bên trong ví có số tiền 2.270.000 đồng; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Super Cub không có biển số. Tạm giữ của ông Đinh Hồng D 01 cây xà beng là công cụ Nguyễn T1 sử dụng để cạy cửa nhà ông D.

**** Về kết luận giám định, định giá tài sản:***

- Tại Bản kết luận giám định số 1366/C09C-Đ2 ngày 08/01/2021 của Phân Viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

+ 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng trung bình là 60,7%; khối lượng mẫu là 6,05 gam.

+ 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 60,6%; tổng khối lượng mẫu là 3,83 gam (tính cả các viên đá màu trắng).

+ 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trên mặt nhẫn có đính viên đá màu đen gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng kim loại vàng là 29,3%; tổng khối lượng mẫu là 6,79 gam (tính cả viên đá màu đen).

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐG ngày 27/01/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận: Giá trị còn lại của 01 máy tính xách tay (laptop), nhãn hiệu Dell Inspiron 14 3000 series, mã modem 3442, core i3, màu đen, màn hình bị lỗi có sọc ngang bị trộm cắp tài sản xảy ra tại An Ninh, Phổ Ninh, Đức Phổ vào ngày 14/10/2019 và 01 máy tính xách tay (laptop), nhãn hiệu Dell Inspiron 15, mã modem 3521, core i3, màu đen bị trộm cắp tài sản xảy ra tại Vĩnh Bình, Phổ Ninh, Đức Phổ vào ngày 18/10/2019, trong vụ án là 4.280.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐG ngày 18/02/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Đức Phổ kết luận: giá trị còn lại của 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 9999, hiện không thu hồi được; 02 chiếc nhẫn

(loại nhẫn cưới) bằng vàng tây 18K tổng cộng 01 chỉ, hiện không thu hồi được; 200USD (hai trăm đô la Mỹ), gồm 02 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100USD, hiện không thu hồi được, bị trộm cắp tài sản xảy ra tại TDP T, phường P, thị xã Đ vào ngày 31/7/2020 và 01 sợi dây chuyền vàng, hàm lượng vàng trung bình 60,7%, khối lượng dây chuyền là 6,05 gam; 01 mặt dây chuyền bằng vàng, bề mặt có đính một số viên đá màu trắng, hàm lượng vàng là 60,6%, khối lượng mặt dây chuyền (tính cả các viên đá màu trắng) là 3,83 gam; 01 chiếc nhẫn vàng, trên mặt nhẫn có đính viên đá màu đen, hàm lượng vàng là 2,93%, khối lượng chiếc nhẫn (tính cả viên đá màu đen) là 6,79 gam; 02 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, mỗi chiếc 01 chỉ, hiện không thu hồi được; 01 đôi bông tai gồm 02 chiếc, đôi bông tai bằng vàng 18K tổng cộng 02 chỉ, hiện không thu hồi được; 706USD (bảy trăm lẻ sáu đô la Mỹ), gồm 07 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100USD, 01 tờ tiền mệnh giá 05USD, 01 tờ tiền mệnh giá 01USD, trong đó 07 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100USD, hiện không thu hồi được, bị trộm cắp tài sản xảy ra tại TDP T, phường P, thị xã Đ vào ngày 04/9/2020, trong vụ án là: 57.461.210 đồng.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian tháng 10/2019, tháng 7, tháng 9 và tháng 12/2020, bị cáo Nguyễn T1 đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 92.914.210 đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-ĐP ngày 11/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Nguyễn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn T1 từ 36 tháng đến 42 tháng tù và tổng hợp hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo của bản án 03/2020/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là Thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi về tội Cố ý gây thương tích.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) xe máy hiệu Honda, màu sơn xanh, số máy 58008E.

- Tiếp tục tạm giữ 01 số tiền 1.770.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Tịnh (một) ví da màu nâu

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Trần Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Hồng L, ông Đinh Hoàng T4 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về phần dân sự nên đề nghị không xét

- Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Nguyễn T1 bồi thường số tiền 23.190.000 đồng và giá trị số tiền 700USD là 16.000.000 đồng, tổng cộng là 39.190.000 đồng; bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu Nguyễn T1 bồi thường số tiền 3.000.000đ là có căn cứ nên đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bà Đ, bà H số tiền nêu trên.

Về những người có liên quan:

Đối với bà Trần Thị T5, sinh năm 1969 ở TDP Đ, phường P, thị xã Đ là chủ tiệm vàng X và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1974 ở TDP Đ, phường P, thị xã Đ là chủ tiệm vàng TL khi mua tài sản của bị cáo T1 thì không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã Đức Phổ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của

bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2020, bị cáo Nguyễn T1 đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Đức Phổ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 92.914.210 đồng (chín mươi hai triệu chín trăm mười bốn nghìn hai trăm mười đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ đã truy tố bị cáo Nguyễn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

Bị cáo Nguyễn T1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 27/02/2020, bị cáo Nguyễn T1 bị Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) tuyên phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng về tội Cố ý gây thương tích, đang trong thời gian chấp hành án nhưng tiếp tục phạm tội; căn cứ khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo là tái phạm và bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu. Trong thời gian chấp hành hình phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*” thì bị cáo tiếp tục phạm tội.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi

trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn T1 đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo về tội “cố ý gây thương tích”, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để tự rèn luyện bản thân nhưng với bản tính lười lao động, để có tiền tiêu sai bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Nên cần xét xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; đồng thời phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt: Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo của bản án 03/2020/HS-ST ngày 27/02/2020 mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt của bản án chưa chấp hành theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[8] Bị cáo có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

[9.1] Các bị hại bà Trần Thị Thanh T3, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Đinh Hoàng T4 đã nhận lại toàn bộ tài sản do bị cáo Nguyễn T1 trộm cắp, các bị hại không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.2] Bị hại bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Nguyễn T1 bồi thường số tiền 23.190.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) và giá trị số tiền 700USD là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), tổng cộng là 39.190.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) là có căn cứ và bị cáo Nguyễn T1 đồng ý bồi thường nên được chấp nhận.

Bị hại bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu Nguyễn T1 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) là có căn cứ và bị cáo đồng ý bồi thường nên được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đức Phổ đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu như sau:

+ Trả cho bà Trần Thị Thanh T3 01 (một) laptop hiệu Dell Inspiron 14, màu đen (đã qua sử dụng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L 01 (một) laptop hiệu Dell Inspiron 15, màu đen (đã qua sử dụng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị Đ 01 (một) chiếc nhẫn vàng có đính viên đá màu đen, 01 (một) sợi dây chuyền vàng và 01 (một) mặt dây chuyền vàng có đính các viên đá màu trắng, 01 (một) phong bì lì xì có in hình hoa mai, 01 (một) phong bì lì xì có chữ “Ba Hích”, 01 (một) phong bì lì xì có chữ “Mẹ Đ”, 01 (một) phong bì lì xì có chữ “ACB NGÂN HÀNG Á CHÂU”, 01 (một) tờ tiền 05USD, 01 (một) tờ tiền 01USD, 02 (hai) tờ tiền Cambodia, số tiền 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng).

+ Trả cho bà Đoàn Thị Thu H 01 túi nylông màu đỏ, bên trong có số tiền 3.673.000 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng) và 01 cái rựa.

+ Trả cho ông Đinh Hoàng T4 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

+ Trả cho ông Đinh Hồng D 01 cây xà beng.

Xét thấy việc trả lại các tài sản cho chủ sở hữu không ảnh hưởng gì đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Nên việc trả lại tài sản nêu trên của Cơ quan cảnh sát điều tra là đúng quy định của pháp luật.

[10.2] Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) xe máy hiệu Honda, màu sơn xanh, số máy 58008E là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo T1 (một) ví da màu nâu

- Tiếp tục tạm số tiền 1.770.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

[11] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với bà Trần Thị T5 là chủ tiệm vàng X và bà Nguyễn Thị N1 là chủ tiệm vàng TL khi mua tài sản của bị cáo T1 thì không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.109.500 đồng (hai triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 02 Điều 135; khoản 02 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[13] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn T1 03 (ba) năm tù.

Áp dụng các Điều 56, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích của bản án hình sự số 03/2020/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ(nay là thị xã Đ). Buộc bị cáo Nguyễn T1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2020.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn T1 phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị Đ 39.190.000 đồng (ba mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng); bồi thường cho bà Đoàn Thị Thu H số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hết các khoản phải thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn T1 01 (một) ví da màu nâu

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) xe máy hiệu Honda, màu sơn xanh, số máy 58008E

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 03 năm 2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đức Phổ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.770.000đồng (một triệu bảy trăm bảy chục đồng) của bị cáo để đảm bảo thi hành án. Số tiền này hiện đang tạm giữ trong tài khoản số

3949.0.1043763.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 01 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn T1 phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.109.500 đồng (hai triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

